|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ------------------------------------** |
| Luật số: /20…/QH15 |  *Hà Nội, ngày tháng năm 20…* |

***Dự thảo 3***

**LUẬT**

**NHÀ GIÁO**

*(Tài liệu kèm theo hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự án Luật Nhà giáo)*

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Nhà giáo.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về nhà giáo; hoạt động nghề nghiệp, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo; chức danh, chuẩn nhà giáo, giấy phép hành nghề dạy học; tuyển dụng, sử dụng nhà giáo; chính sách tiền lương, đãi ngộ đối với nhà giáo; đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác quốc tế về nhà giáo; quản lý nhà giáo; tôn vinh, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với nhà giáo.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với:

1. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục theo quy định tại Luật Giáo dục.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Nhà giáo**

1. Nhà giáo là người có giấy phép hành nghề dạy học, được tuyển dụng làm nhiệm vụ trực tiếp giảng dạy, giáo dục trong cơ sở giáo dục.

2. Nhà giáo giảng dạy, giáo dục ở cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt, cơ sở giáo dục khác; giảng dạy, giáo dục trình độ sơ cấp, trung cấp gọi là giáo viên.

3. Nhà giáo giảng dạy, giáo dục từ trình độ cao đẳng trở lên; nhà giáo giảng dạy, giáo dục trong cáctrường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân gọi là giảng viên.

**Điều 4. Vị trí, vai trò của nhà giáo**

1. Nhà giáo có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục và chất lượng nguồn nhân lực; là nhân tố chủ đạo trong việc xây dựng xã hội học tập, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2. Nhà giáo là nhân lực chất lượng cao, là bộ phận quan trọng trong đội ngũ trí thức của đất nước, là lực lượng nòng cốt của ngành Giáo dục, được xã hội kính trọng, tôn vinh, bảo vệ.

**Điều 5. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1*. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục* theo quy định tại Điều 105 Luật Giáo dục.

2*. Cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo* là cơ quan có thẩm quyền chuyên môn giúp cơ quan quản lý nhà nước các cấp về giáo dục và đào tạo.

3. *Cán bộ quản lý giáo dục* là người làm việc trong các cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo phạm vi thẩm quyền được giao.

4.  *Người đứng đầu cơ sở giáo dục* là người đại diện trước pháp luật của cơ sở giáo dục, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của cơ sở giáo dục theo chức năng nhiệm vụ, quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục.

5.  *Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục* là người được bổ nhiệm hoặc công nhận giữ chức vụ quản lý, chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong cơ sở giáo dục.

6. *Giấy phép hành nghề dạy học* là văn bản xác nhận người đủ điều kiện hành nghề dạy học do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

7. *Chuẩn nhà giáo* là hệ thống các tiêu chuẩn về phẩm chất, trình độ, năng lực, sức khỏe của nhà giáo.

8. *Chuẩn nhà giáo giữ chức vụ hiệu trưởng, giám đốc cơ sở giáo dục* là hệ thống các tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực của hiệu trưởng, giám đốc cơ sở giáo dục.

9. *Chức danh nhà giáo* là tên gọi thể hiện trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo tương ứng với từng cấp học, trình độ, phương thức đào tạo.

10. *Người hành nghề dạy học tự do* là người có giấy phép hành nghề dạy học nhưng không làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong cơ sở giáo dục.

**Điều 6. Nguyên tắc quản lý và phát triển nhà giáo**

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống nhất quản lý của Nhà nước, trách nhiệm trực tiếp của cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo; sự phân cấp giữa Trung ương và địa phương.

2. Thực hiện chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo.

3. Bảo đảm quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

4. Việc tuyển dụng, quản lý nhà giáo được thực hiện trên cơ sở chức danh nhà giáo và chuẩn nhà giáo tương ứng với vị trí việc làm; bảo đảm định mức, số lượng, cơ cấu nhà giáo để thực hiện chương trình, nhiệm vụ giáo dục.

5. Thực hiện bình đẳng giới, bình đẳng giữa nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập, dân lập, tư thục.

6. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự chủ, sáng tạo trong hoạt động chuyên môn của nhà giáo.

**Điều 7. Chính sách của nhà nước về xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo**

1. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo; huy động các nguồn lực xã hội cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo.

2. Có chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, bảo đảm về chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và xây dựng xã hội học tập.

3. Có chính sách ưu tiên về tiền lương và đãi ngộ đối với nhà giáo; có chính sách bảo vệ an toàn cho nhà giáo về thể chất và tinh thần, về hoạt động nghề nghiệp và an sinh xã hội.

4. Có chính sách bảo đảm môi trường, điều kiện làm việc; tạo động lực để động viên nhà giáo nêu cao lòng tự hào, vinh dự và trách nhiệm, phát huy tốt vai trò của nhà giáo.

5. Có chính sách thu hút, trọng dụng người có trình độ cao, người có tài năng, người có năng khiếu đặc biệt làm nhà giáo; chính sách thu hút nhà giáo về công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu.

6. Có chính sách ưu đãi đối với nhà giáo trường chuyên biệt, trường chuyên biệt khác, nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập, nhà giáo là người dân tộc thiểu số và một số ngành nghề đặc thù.

7. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và phát triển một số trường sư phạm trọng điểm.

8. Có chính sách nâng cao hiệu quả hợp tác và hội nhập quốc tế về nhà giáo.

**Điều 8. Áp dụng quy định của Luật Nhà giáo**

1. Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Nhà giáo đối với nhà giáo trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Trường hợp Luật này không quy định thì áp dụng Luật Viên chức, Bộ luật Lao động và pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này với các luật khác thì áp dụng theo quy định của Luật này.

**Chương II**

**HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP,**

**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ GIÁO**

**Điều 9. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo**

1. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo là hoạt động đặc biệt, có tính chuyên nghiệp, sáng tạo cao; có sản phẩm là phẩm chất, năng lực của người học, giúp người học phát triển toàn diện thông qua việc dạy học, tổ chức, hướng dẫn, tư vấn việc tìm kiếm tri thức, sản sinh tri thức, rèn luyện phẩm chất, năng lực và làm gương cho người học.

2. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo thực hiện theo năm học hoặc khóa học bao gồm các hoạt động trước, trong và sau thời gian tổ chức các hoạt động giảng dạy, giáo dục; các hoạt động học tập, bồi dưỡng bắt buộc; nghiên cứu khoa học; các hoạt động chuyên môn, hành chính; phục vụ cộng đồng và các hoạt động khác.

3. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo được thực hiện trong môi trường an toàn, đổi mới, sáng tạo với điều kiện phù hợp về phương tiện hỗ trợ, số lượng người học/lớp và điều kiện đặc thù khác.

4. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo đối với từng cấp học, trình độ đào tạo và phương thức giáo dục cụ thể như sau:

a) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non là nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo chương trình giáo dục mầm non; giúp trẻ em phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, góp phần hình thành nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp một;

b) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học là giáo dục, giảng dạy môn học và hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục tiểu học; giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt;

c) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên trung học cơ sở là giáo dục, giảng dạy môn học và hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục trung học cơ sở; giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực, tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, có ý thức định hướng nghề nghiệp;

d) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên trung học phổ thông là giáo dục, giảng dạy môn học và hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục trung học phổ thông; giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp;

đ) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên dự bị đại học là giảng dạy, giáo dục theo chương trình dự bị đại học; giúp học sinh dân tộc củng cố kiến thức trung học phổ thông và có năng lực lên học trình độ đại học;

e) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên giáo dục thường xuyên là giảng dạy, giáo dục theo các chương trình giáo dục thường xuyên; góp phần nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu trong cuộc sống của người học, xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời;

g) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên và giảng viên giáo dục nghề nghiệp là đào tạo người học theo chương trình giáo dục nghề nghiệp; góp phần đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp;

h) Hoạt động nghề nghiệp của giảng viên đại học là giảng dạy theo chương trình giáo dục đại học, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; góp phần phát triển phẩm chất và năng lực người học.

**Điều 10. Quyền của nhà giáo**

1. Được hoạt động giảng dạy, giáo dục theo đúng chuyên môn đào tạo; được đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học; được tham gia nhận xét, khen thưởng, xử lý kỷ luật người học theo quy định; được chủ động phân phối thời lượng và sắp xếp nội dung giáo dục, lựa chọn hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục bảo đảm mục tiêu giáo dục và kế hoạch của cơ sở giáo dục.

2. Được tham gia xây dựng, lựa chọn, sử dụng sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu, đồ dùng dạy học, thiết bị, phương tiện giảng dạy và các điều kiện khác để thực hiện nhiệm vụ được giao bảo đảm mục tiêu giáo dục và kế hoạch của cơ sở giáo dục.

3. Được hưởng lương, phụ cấp, chế độ đãi ngộ và các chế độ khác phù hợp với vị trí việc làm, chức danh nhà giáo.

4. Được đánh giá công bằng, khách quan; được tôn vinh, khen thưởng tương xứng với thành tích trong hoạt động nghề nghiệp và hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Được nghiên cứu khoa học và chuyển giao sản phẩm nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học và sở hữu trí tuệ.

6. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp.

7. Được tham gia các chương trình trao đổi nhà giáo; hợp đồng thỉnh giảng, nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học khác.

8. Được tạo điều kiện để làm việc trong môi trường an toàn, đổi mới, sáng tạo; được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự, thân thể; được đối xử bình đẳng trong hoạt động và thăng tiến nghề nghiệp; được xem xét bổ nhiệm chức vụ quản lý khi đủ điều kiện.

9. Được xem xét thay đổi đơn vị công tác và vị trí việc làm phù hợp với nguyện vọng của cá nhân và nhu cầu của cơ quan quản lý.

10. Được tham gia đóng góp ý kiến về chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo; chương trình, phương pháp giáo dục; các vấn đề có liên quan đến quyền lợi của nhà giáo; được tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

11. Được nghỉ hè và các ngày nghỉ khác theo quy định.

12. Được từ chối thực hiện công việc không đúng vị trí việc làm và hợp đồng đã ký kết với cơ sở giáo dục; được hỗ trợ bảo đảm việc làm và an sinh xã hội khi cơ sở giáo dục ngừng hoạt động hoặc có sự thay đổi về tổ chức.

13. Được tham gia dạy thêm theo nhu cầu của người học trên cơ sở quy định của pháp luật.

14. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục.

**Điều 11. Nghĩa vụ của nhà giáo**

1. Gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục.

2. Giảng dạy, giáo dục đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục; thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục.

3. Tự giác thực hiện các quy tắc đạo đức; tích cực thực hiện các nhiệm vụ được giao ở cơ sở giáo dục.

4. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự, đạo đức nhà giáo; mẫu mực, nêu gương trong hoạt động nghề nghiệp và xã hội. Thường xuyên học tập nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học; tạo động lực, phát huy phẩm chất và năng lực của từng người học; phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu đối với người học.

6. Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, tham gia nghiên cứu và áp dụng khoa học giáo dục đối với giáo viên; bảo đảm liêm chính học thuật.

7. Cập nhật kỹ năng ứng dụng khoa học, công nghệ; năng lực phát triển chương trình và phương pháp giáo dục tiên tiến.

8. Tham gia xây dựng môi trường giáo dục an toàn, đổi mới, sáng tạo.

9. Chủ động phối hợp với gia đình người học, tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng phù hợp với hoạt động nghề nghiệp.

10. Tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp.

11. Tích cực phát huy dân chủ, tham gia vào hoạt động quản lý, quản trị và các hoạt động chuyên môn khác của cơ sở giáo dục khi được phân công.

12. Chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động nghề nghiệp và trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều 13 Luật này và quy định của pháp luật có liên quan.

13. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục.

**Điều 12. Đạo đức nhà giáo**

1. Đạo đức nhà giáo là các chuẩn mực về nhận thức, thái độ và hành vi trong mối quan hệ của nhà giáo với người học, đồng nghiệp, gia đình người học, cộng đồng.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bộ quy tắc ứng xử của nhà giáo.

3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nhà giáo tham gia xây dựng và giám sát thực hiện bộ quy tắc ứng xử của nhà giáo.

4. Cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục nơi nhà giáo làm việc, tổ chức, cá nhân có liên quan tạo điều kiện để nhà giáo rèn luyện, giữ gìn, nâng cao đạo đức nhà giáo.

5. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo có trách nhiệm đào tạo, rèn luyện người học theo các chuẩn mực đạo đức nhà giáo.

**Điều 13. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Nghiêm cấm nhà giáo có các hành vi sau:

a) Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, thân thể của người học, đồng nghiệp và nhân dân;

b) Phân biệt đối xử giữa những người học dưới mọi hình thức;

c) Gian lận, cố ý làm sai lệch kết quả trong các hoạt động tuyển sinh, kiểm tra, thi, đánh giá người học;

d) Xuyên tạc nội dung giáo dục; lợi dụng hoạt động giảng dạy, giáo dục để tuyên truyền các nội dung trái đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

đ) Ép buộc người học tham gia học thêm dưới mọi hình thức, nộp các khoản tiền ngoài quy định của pháp luật;

e) Lợi dụng chức danh nhà giáo và hoạt động giảng dạy, giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; cho người khác sử dụng giấy phép hành nghề dạy học dưới mọi hình thức;

g) Tự ý bỏ việc, tham gia đình công trái pháp luật;

h) Vi phạm đạo đức nhà giáo và các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân có các hành vi sau:

a) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể nhà giáo;

b) Cản trở hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo;

c) Phân công nhà giáo không đúng với thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng dạy học;

d) Phân biệt đối xử giữa những nhà giáo dưới mọi hình thức;

đ) Trả lương không đúng theo hợp đồng; thực hiện không đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách của nhà giáo theo quy định;

e) Công khai thông tin về sai phạm của nhà giáo khi chưa có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với nhà giáo và trong trường hợp các sai phạm chưa đến mức phải thu hồi giấy phép hành nghề dạy học.

**Chương III**

**CHỨC DANH, CHUẨN NHÀ GIÁO**

**VÀ GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ DẠY HỌC**

**Mục 1**

**CHỨC DANH, CHUẨN NHÀ GIÁO**

**Điều 14. Chức danh nhà giáo**

1. Chức danh nhà giáo bao gồm: Giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông, giáo viên dự bị đại học, giáo viên giáo dục thường xuyên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp, giảng viên cao đẳng sư phạm, giảng viên giáo dục nghề nghiệp, giảng viên đại học.

2. Mỗi chức danh nhà giáo được phân hạng như sau:

a) Giáo viên, giáo viên chính, giáo viên cao cấp;

b) Trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp (bao gồm cả giáo sư, phó giáo sư).

3. Chức danh nhà giáo là căn cứ để cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc; thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quản lý và thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo.

4. Việc bổ nhiệm, xét chuyển chức danh nhà giáo thực hiện như sau:

a) Nhà giáo được bổ nhiệm vào chức danh giáo viên, giảng viên hoặc trợ giảng sau khi được tuyển dụng theo quy định;

b) Nhà giáo được bổ nhiệm hạng chức danh cao hơn liền kề khi được đánh giá đạt tiêu chuẩn của hạng chức danh cao hơn liền kề hạng chức danh đang giữ;

c) Người có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục và có nhiều thành tích trong hoạt động nghề nghiệp được cơ sở giáo dục xem xét đặc cách bổ nhiệm hạng chức danh cao hơn;

d) Nhà giáo của cơ sở giáo dục đại học được xét công nhận đạt tiêu chuẩn và được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư theo quy định của Luật Giáo dục thì được bổ nhiệm đặc cách chức danh giảng viên cao cấp;

đ) Trường hợp nhà giáo khi chuyển cơ sở giáo dục mà chức danh nhà giáo đang giữ không phù hợp với vị trí việc làm ở cơ sở giáo dục mới thì được xét chuyển chức danh.

5. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến chức danh và bổ nhiệm chức danh nhà giáo.

**Điều 15. Chuẩn nhà giáo**

1. Chuẩn nhà giáo bao gồm các tiêu chuẩn:

a) Đạo đức nhà giáo;

b) Trình độ đào tạo, bồi dưỡng;

c) Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Sức khỏe.

2. Chuẩn nhà giáo là căn cứ để:

a) Các cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục thực hiện tuyển dụng, sử dụng và đánh giá nhà giáo;

b) Các cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo;

c) Nhà giáo tự đánh giá phẩm chất, năng lực; xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện phẩm chất, bồi dưỡng nâng cao năng lực;

d) Các cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục xây dựng và thực hiện chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao quy định cụ thể tiêu chuẩn nhà giáo đối với từng chức danh, hạng chức danh nhà giáo.

**Điều 16. Chuẩn nhà giáo giữ chức vụ hiệu trưởng, giám đốc cơ sở giáo dục**

1. Hiệu trưởng, giám đốc cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là hiệu trưởng) phải bảo đảm tiêu chuẩn của giáo viên chính hoặc giảng viên chính và đáp ứng các tiêu chuẩn về quản trị, quản lý cơ sở giáo dục quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, Hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học phải có trình độ tiến sĩ.

3. Tiêu chuẩn về quản trị, quản lý cơ sở giáo dục:

a) Xây dựng sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược, đề án, kế hoạch phát triển nhà trường;

b) Quản trị, quản lý hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học;

c) Quản trị, quản lý nhân sự;

d) Quản trị, quản lý tổ chức, hành chính;

đ) Quản trị, quản lý tài chính;

e) Quản trị, quản lý cơ sở vật chất và công nghệ;

g) Xây dựng môi trường giáo dục;

h) Thực hiện quy định về dân chủ ở cơ sở và thanh tra, kiểm tra nội bộ.

4. Chuẩn nhà giáo giữ chức vụ hiệu trưởng là căn cứ để:

a) Các cơ quan, tổ chức theo thẩm quyền đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hiệu trưởng, xem xét, quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, công nhận, không công nhận chức vụ hiệu trưởng;

b) Các cơ sở giáo dục xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng hiệu trưởng, người thuộc diện quy hoạch giữ chức vụ hiệu trưởng và những người có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để trở thành hiệu trưởng;

c) Hiệu trưởng, người thuộc diện quy hoạch giữ chức vụ hiệu trưởng tự đánh giá và thực hiện kế hoạch tự rèn luyện, phát triển năng lực bản thân.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao ban hành và hướng dẫn sử dụng chuẩn hiệu trưởng.

**Mục 2**

**GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ DẠY HỌC**

**Điều 17. Mục đích của giấy phép hành nghề dạy học**

1. Là điều kiện để tham gia tuyển dụng nhà giáo.

2. Tạo điều kiện để nhà giáo mở rộng cơ hội hoạt động nghề nghiệp và hợp tác quốc tế.

3. Bảo đảm chất lượng nhà giáo thỉnh giảng hoặc người hành nghề dạy học tự do.

4. Là căn cứ để đánh giá, điều chỉnh các chương trình đào tạo sư phạm.

5. Là cơ sở đánh giá quá trình phát triển nghề nghiệp liên tục của nhà giáo, bảo đảm chất lượng giáo dục.

**Điều 18. Nguyên tắc, nội dung và điều kiện cấp giấy phép hành nghề dạy học**

1. Nguyên tắc cấp giấy phép hành nghề dạy học:

a) Giấy phép hành nghề dạy học được cấp theo cấp học, trình độ đào tạo hoặc phương thức giáo dục;

b) Giấy phép hành nghề dạy học có thời hạn 10 năm và được gia hạn theo quy định;

c) Một người có thể được cấp nhiều giấy phép hành nghề dạy học nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định.

2. Giấy phép hành nghề dạy học gồm các thông tin cơ bản sau:

a) Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với nhà giáo là người Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với nhà giáo là người nước ngoài;

b) Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành được đào tạo;

c) Cơ sở giáo dục tổ chức bồi dưỡng, thực hành nghề dạy học;

d) Cấp học, môn học, trình độ đào tạo hoặc lĩnh vực được phép hành nghề dạy học;

đ) Thời hạn.

3. Người có đủ các điều kiện sau thì được cấp giấy phép hành nghề dạy học:

a) Đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo;

b) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng và thực hành nghề tại cơ sở giáo dục theo quy định.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao quy định mẫu giấy phép hành nghề dạy học, chương trình và cơ sở giáo dục tổ chức việc bồi dưỡng, thực hành nghề.

**Điều 19. Giá trị sử dụng của giấy phép hành nghề dạy học**

1. Giấy phép hành nghề dạy học có giá trị sử dụng trong toàn lãnh thổ Việt Nam.

2. Giấy phép hành nghề dạy học có giá trị sử dụng tại quốc gia khác theo chương trình hợp tác quốc tế với Việt Nam và theo quy định của nước sở tại.

**Điều 20. Cấp giấy phép hành nghề dạy học và công nhận giá trị tương đương**

1. Giấy phép hành nghề dạy học được cấp cho các đối tượng sau:

a) Nhà giáo đã được tuyển dụng, đang làm việc trong các cơ sở giáo dục trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

b) Cán bộ quản lý giáo dục đã có thời gian giảng dạy, giáo dục trong cơ sở giáo dục trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

c) Nhà giáo thuộc trường hợp được tuyển dụng đặc cách theo quy định của Luật này;

d) Nhà giáo đã được tuyển dụng, làm việc trong các cơ sở giáo dục và nghỉ hưu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

đ) Các trường hợp đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật này.

2. Giấy phép hành nghề dạy học hoặc các văn bản có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp được công nhận tương đương với giấy phép hành nghề dạy học khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Được thừa nhận theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế giữa bên ký kết Việt Nam với bên ký kết nước ngoài và còn hiệu lực.

b) Còn hiệu lực tại thời điểm đề nghị công nhận;

c) Có đủ thông tin cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến cấp giấy phép hành nghề dạy học và việc công nhận tương đương giấy phép hành nghề dạy học.

**Điều 21. Thu hồi giấy phép hành nghề dạy học**

1. Giấy phép hành nghề dạy học bị thu hồi trong các trường hợp:

a) Nhà giáo có kết quả đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ 02 (hai) năm liên tục;

b) Nhà giáo không đạt điều kiện để gia hạn giấy phép hành nghề dạy học;

c) Nhà giáo vi phạm kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc sa thải;

d) Người hành nghề dạy học tự do lợi dụng hoạt động giáo dục để tuyên truyền các nội dung trái đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trái với thuần phong mỹ tục; tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của Bộ luật Hình sự;

đ) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề không đúng quy định.

2. Trường hợp bị thu hồi giấy phép hành nghề dạy học theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, nếu được cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề không đúng thì được cấp lại.

3. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến thu hồi giấy phép hành nghề dạy học.

**Điều 22. Thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hành nghề dạy học**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao cấp hoặc phân cấp cho các cơ sở giáo dục đại học đủ điều kiện cấp giấy phép hành nghề dạy học đối với giảng viên, giáo viên dự bị đại học và người có nguyện vọng hành nghề dạy học trong các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp giấy phép hành nghề dạy học đối với nhà giáo của các cơ sở giáo dục theo thẩm quyền quản lý và người có nguyện vọng hành nghề dạy học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hành nghề dạy học đối với nhà giáo của các cơ sở giáo dục theo thẩm quyền quản lý và người có nguyện vọng hành nghề dạy học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp thì có thẩm quyền ghi bổ sung thông tin, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép hành nghề dạy học.

5. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến việc cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hành nghề dạy học.

**Chương IV**

**TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG NHÀ GIÁO**

**Mục 1**

**TUYỂN DỤNG NHÀ GIÁO**

**Điều 23. Căn cứ tuyển dụng**

Việc tuyển dụng nhà giáo phải căn cứ vào chuẩn nhà giáo, nhu cầu, quỹ tiền lương của cơ sở giáo dục.

 **Điều 24. Nguyên tắc tuyển dụng**

1. Bảo đảm công khai, công bằng, khách quan và đúng quy định của pháp luật. Không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Bảo đảm tính cạnh tranh. Tuyển chọn đúng người, đáp ứng chuẩn nhà giáo, chức danh nhà giáo.

3. Ưu tiên người có tài năng, con của người có công với cách mạng, con của nhà giáo, người dân tộc thiểu số, người tình nguyện làm việc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của Chính phủ và các đối tượng chính sách khác.

4. Đề cao trách nhiệm của hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục.

**Điều 25. Điều kiện đăng ký dự tuyển**

1. Người có đủ các điều kiện sau đây được đăng ký dự tuyển nhà giáo:

a) Có đơn đăng ký dự tuyển;

b) Có lý lịch rõ ràng;

c) Có giấy phép hành nghề dạy học phù hợp với vị trí tuyển dụng đang còn hiệu lực, trừ trường hợp không yêu cầu giấy phép hành nghề dạy học theo quy định của pháp luật;

d) Bảo đảm sức khỏe làm nhiệm vụ giảng dạy giáo dục;

đ) Đáp ứng yêu cầu khác của cơ sở giáo dục nhưng không trái quy định của pháp luật.

2. Những người không được đăng ký dự tuyển:

a) Người mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của tòa án, đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

c) Người đã có tiền án, tiền sự hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của Bộ luật Hình sự.

**Điều 26. Thẩm quyền và phương thức tuyển dụng**

1. Thẩm quyền tuyển dụng:

a) Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trực tiếp tuyển dụng nhà giáo theo nghị quyết của hội đồng trường hoặc hội đồng đại học;

b) Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trực tiếp tuyển dụng nhà giáo theo kế hoạch tuyển dụng đã được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý trực tiếp của cơ sở giáo dục đó phê duyệt. Trường hợp cơ sở giáo dục không tổ chức được việc tuyển dụng thì cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý trực tiếp thực hiện việc tuyển dụng.

2. Tuyển dụng nhà giáo được thực hiện thông qua phương thức xét hồ sơ, phỏng vấn và thực hành sư phạm.

3. Người có trình độ cao, người có tài năng, người có năng khiếu đặc biệt trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống phù hợp với nghề dạy học thì được xem xét tuyển dụng đặc cách.

4. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến tuyển dụng nhà giáo.

**Mục 2**

**HỢP ĐỒNG DẠY HỌC**

**Điều 27. Hợp đồng dạy học**

1. Hợp đồng dạy học được ký bằng văn bản giữa hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục và nhà giáo. Hợp đồng dạy học bao gồm hợp đồng không xác định thời hạn và hợp đồng xác định thời hạn.

2. Hợp đồng dạy học không xác định thời hạn

a) Hợp đồng dạy học không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng;

b) Hợp đồng dạy học không xác định thời hạn được áp dụng đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập sau khi được tuyển dụng; nhà giáo trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục có thỏa thuận ký hợp đồng dạy học không xác định thời hạn hoặc sau 02 lần đã thực hiện hợp đồng dạy học xác định thời hạn.

3. Hợp đồng dạy học xác định thời hạn

a) Hợp đồng dạy học xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của hợp đồng;

b) Hợp đồng dạy học xác định thời hạn chỉ được ký không quá 02 (hai) lần với cùng 01 (một) cơ sở giáo dục; sau đó cơ sở giáo dục phải ký hợp đồng dạy học không xác định thời hạn nếu nhà giáo vẫn tiếp tục làm việc;

c) Hợp đồng dạy học xác định thời hạn được áp dụng đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục (trừ trường hợp đã thỏa thuận ký hợp đồng dạy học không xác định thời hạn).

4. Nhà giáo đang ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn trước khi Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng đã ký. Nhà giáo đang ký hợp đồng làm việc xác định thời hạn trước khi Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký cho đến khi phải thay đổi theo các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

**Điều 28. Nội dung hợp đồng dạy học**

1. Hợp đồng dạy học bao gồm các nội dung cơ bản sau: thông tin của cơ sở giáo dục và thông tin của nhà giáo; công việc, địa điểm làm việc; chế độ, chính sách nhà giáo được hưởng; quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký hợp đồng; thời gian, hiệu lực của hợp đồng và các nội dung khác được quy định trong hợp đồng.

2. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến hợp đồng dạy học.

**Điều 29. Thay đổi nội dung, ký kết tiếp, tạm hoãn và chấm dứt hợp đồng dạy học**

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng dạy học, nếu một bên có yêu cầu thay đổi nội dung hợp đồng dạy học thì phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 30 ngày. Khi nội dung thay đổi được hai bên chấp thuận thì tiến hành sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan của hợp đồng dạy học và ký kết phụ lục hợp đồng dạy học hoặc hợp đồng dạy học mới. Trong thời gian tiến hành thoả thuận, các bên vẫn phải tuân thủ thực hiện theo hợp đồng dạy học đã ký kết. Trường hợp không thoả thuận được thì các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng dạy học đã ký kết hoặc thoả thuận chấm dứt hợp đồng dạy học.

2. Đối với hợp đồng dạy học xác định thời hạn, trước khi hết hạn hợp đồng 30 ngày, hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng để làm căn cứ tiếp tục ký hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng.

3. Tạm hoãn thực hiện hợp đồng dạy học

a) Các trường hợp tạm hoãn thực hiện hợp đồng dạy học bao gồm: nhà giáo thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ; nhà giáo bị tạm giữ, tạm giam hoặc phải áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự; nhà giáo nữ mang thai phải nghỉ theo yêu cầu của cơ quan y tế có thẩm quyền; trường hợp khác do hai bên thỏa thuận;

b) Trong thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng dạy học, các chế độ, chính sách, quyền của nhà giáo thực hiện theo hợp đồng.

4. Chấm dứt hợp đồng dạy học

Các trường hợp chấm dứt hợp đồng dạy học bao gồm:

a) Hợp đồng dạy học hết thời hạn;

b) Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng dạy học;

c) Nhà giáo bị kết án phạt tù nhưng không được hưởng án treo hoặc không thuộc trường hợp được trả tự do theo quy định của pháp luật;

d) Người nước ngoài dạy học tại Việt Nam bị trục xuất theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Giấy phép lao động hết hiệu lực;

đ) Nhà giáo chết hoặc bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc đã chết;

e) Nhà giáo bị xử lý kỷ luật sa thải hoặc buộc thôi việc;

g) Các trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng dạy học quy định tại Điều 30 Luật này;

h) Các trường hợp thỏa thuận khác.

**Điều 30. Đơn phương chấm dứt hợp đồng dạy học**

1. Cơ sở giáo dục được đơn phương chấm dứt hợp đồng với nhà giáo trong các trường hợp sau:

a) Nhà giáo bị thu hồi giấy phép hành nghề dạy học;

b) Nhà giáo làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn bị ốm đau ngừng giảng dạy để điều trị 12 tháng liên tục, nhà giáo làm việc theo hợp đồng xác định thời hạn bị ốm đau ngừng giảng dạy để điều trị 06 tháng liên tục mà sức khỏe chưa phục hồi để làm việc. Khi sức khỏe của nhà giáo phục hồi thì được xem xét để tiếp tục ký kết hợp đồng;

c) Khi cơ sở giáo dục dân lập, tư thục dừng hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục phải thông báo trước ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn hoặc ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng xác định thời hạn. Đối với nhà giáo do cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý cơ sở giáo dục thực hiện tuyển dụng, việc đơn phương chấm dứt hợp đồng do hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý cơ sở giáo dục.

3. Cơ sở giáo dục không được đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Nhà giáo ốm đau hoặc bị tai nạn, đang điều trị bệnh theo quyết định của cơ sở chữa bệnh, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Nhà giáo đang trong thời gian nghỉ theo quy định hoặc nghỉ việc riêng và những trường hợp nghỉ khác được hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục cho phép;

c) Nhà giáo nữ đang trong thời gian có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cơ sở giáo dục dừng hoạt động và trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

4. Nhà giáo có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp không được bảo đảm đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng; bị ngược đãi, bị cưỡng bức lao động, bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc; phải nghỉ việc theo chỉ định của cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền; ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị từ 03 (ba) tháng liên tục mà sức khỏe chưa phục hồi để làm việc.

5. Nhà giáo làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản cho hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục biết trước ít nhất 45 ngày. Trong trường hợp nhà giáo không thực hiện được việc thông báo thì người đại diện hợp pháp của nhà giáo thực hiện việc này.

**Điều 31. Giải quyết tranh chấp về hợp đồng dạy học**

Tranh chấp liên quan đến việc ký kết, thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng dạy học được giải quyết theo hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật.

**Mục 3**

**SỬ DỤNG NHÀ GIÁO**

**Điều 32. Chế độ làm việc của nhà giáo**

1. Chế độ làm việc là hệ thống các quy định để nhà giáo hoàn thành các hoạt động giảng dạy, giáo dục phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo; hoạt động nghiên cứu khoa học, hướng dẫn thực hành, tham gia học bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, công tác kiêm nhiệm và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao. Chế độ làm việc của nhà giáo được xây dựng bảo đảm phù hợp với hoạt động nghề nghiệp và quy đổi thành thời gian làm việc theo tuần, năm học và thời gian nghỉ trong năm của nhà giáo.

2. Thời gian nghỉ trong năm của nhà giáo bao gồm thời gian nghỉ hè hằng năm, những ngày nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của Bộ luật Lao động.

3. Thời gian nghỉ hè hằng năm của nhà giáo cụ thể như sau:

a) Thời gian nghỉ hè hằng năm của giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt là 08 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm;

b) Thời gian nghỉ hè hằng năm của giáo viên trường trung cấp và giảng viên trường cao đẳng là 06 tuần, bao gồm cả nghỉ phép hằng năm;

c) Thời gian nghỉ hè hằng năm của giảng viên cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học;

d) Thời gian nghỉ hè hằng năm của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được bố trí linh hoạt trong năm học và trong thời gian nghỉ hè để bảo đảm hoạt động bình thường của cơ sở giáo dục;

đ) Trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp để phòng chống thiên tai, dịch bệnh hoặc trường hợp cấp bách, thời gian nghỉ hè của nhà giáo cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt, trường trung cấp và trường cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định theo thẩm quyền.

4. Căn cứ kế hoạch thời gian năm học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và điều kiện cụ thể của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thời điểm nghỉ hè của giáo viên ở cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trường chuyên biệt trên địa bàn.

5. Hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục theo thẩm quyền có thể bố trí nhà giáo thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm nhưng phải bảo đảm quy định về chế độ làm việc, phù hợp với năng lực của nhà giáo, bảo đảm công bằng giữa các nhà giáo trong cơ sở giáo dục và có sự đồng thuận của nhà giáo đó.

6. Chế độ làm việc của nhà giáo xác định cụ thể như sau:

a) Chế độ làm việc của giáo viên mầm non được tính theo số giờ làm việc/ngày được quy đổi để bảo đảm giờ làm việc/ngày theo quy định, các hoạt động khác tính thời gian thực tế tham gia theo giờ hành chính;

b) Chế độ làm việc của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, dự bị đại học, giáo dục thường xuyên tính theo số tiết dạy/tuần hoặc số tiết dạy/năm học được quy đổi để bảo đảm giờ làm việc/ngày theo quy định, các hoạt động khác tính thời gian thực tế tham gia theo giờ hành chính;

c) Chế độ làm việc của giảng viên tính theo giờ chuẩn/năm, hoạt động nghiên cứu khoa học tính theo giờ hành chính, các hoạt động khác tính thời gian thực tế tham gia theo giờ hành chính, được quy đổi để bảo đảm giờ làm việc/ngày theo quy định;

d) Chế độ làm việc của giáo viên giáo dục nghề nghiệp tính theo giờ chuẩn/năm, các hoạt động khác tính thời gian thực tế tham gia theo giờ hành chính, được quy đổi để bảo đảm giờ làm việc/ngày theo quy định;

đ) Nhà giáo giữ chức vụ quản lý cơ sở giáo dục thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần và phải trực tiếp giảng dạy theo quy định.

7. Nhà giáo được bố trí nghỉ bù hoặc chi trả chế độ làm thêm giờ khi thời gian làm việc thực tế vượt định mức thời giờ làm việc theo quy định.

8. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao quy định chi tiết chế độ làm việc đối với nhà giáo.

**Điều 33. Điều động nhà giáo**

1. Điều động nhà giáo do cấp có thẩm quyền chuyển nhà giáo từ cơ sở giáo dục công lập này sang cơ sở giáo dục công lập khác hoặc được chuyển từ cơ sở giáo dục công lập sang cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo.

2. Mục đích, nguyên tắc điều động nhà giáo:

a) Bảo đảm kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

b) Bảo đảm bình đẳng cơ hội tiếp cận chất lượng giáo dục của người học giữa các cơ sở giáo dục;

c) Bảo đảm yêu cầu công tác quy hoạch cán bộ quản lý giáo dục;

d) Bảo đảm số lượng, chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

đ) Nhà giáo được điều động phải đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác sẽ đảm nhận;

e) Công tác điều động nhà giáo phải được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền thực hiện việc điều động:

a) Điều động nhà giáo giữa các cơ sở giáo dục công lập:

- Nếu hai cơ sở giáo dục thực hiện việc điều động cùng thuộc sự quản lý trực tiếp của một cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo thì việc điều động do cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo đó quyết định;

- Nếu hai cơ sở giáo dục thực hiện việc điều động thuộc sự quản lý trực tiếp của hai cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo khác nhau thì việc điều động do cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý trực tiếp của cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang công tác quyết định trên cơ sở văn bản đồng ý tiếp nhận của cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo nơi đến;

b) Điều động nhà giáo từ cơ sở giáo dục công lập sang cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo thực hiện theo pháp luật về cán bộ, công chức.

4. Bảo lưu chế độ trong điều động nhà giáo:

a) Nhà giáo được bảo lưu chế độ chính sách trong thời gian 36 tháng nếu chế độ, chính sách ở vị trí việc làm mới thấp hơn chế độ, chính sách đang hưởng;

b) Trường hợp điều động nhà giáo sang cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo thì nhà giáo tiếp tục được sử dụng giấy phép hành nghề dạy học.

5. Không thực hiện điều động nhà giáo đối với các trường hợp quy định chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng và pháp luật có liên quan.

6. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến điều động nhà giáo.

**Điều 34. Biệt phái nhà giáo**

1. Biệt phái nhà giáo do cấp có thẩm quyền cử nhà giáo của cơ sở giáo dục này đến làm việc tại cơ sở giáo dục hoặc cơ quan khác trong một thời hạn nhất định.

2. Thẩm quyền thực hiện việc biệt phái:

a) Biệt phái nhà giáo giữa các cơ sở giáo dục công lập:

- Nếu hai cơ sở giáo dục thực hiện việc biệt phái cùng thuộc sự quản lý trực tiếp của một cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo thì việc biệt phái do cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo đó quyết định;

- Nếu hai cơ sở giáo dục thực hiện việc biệt phái thuộc sự quản lý trực tiếp của hai cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo khác nhau thì việc biệt phái do cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý trực tiếp của cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang công tác quyết định;

b) Việc biệt phái nhà giáo của cơ sở giáo dục công lập đến cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo do cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục quyết định;

c) Khuyến khích thực hiện việc biệt phái giữa cơ sở giáo dục công lập đến cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và ngược lại. Cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục công lập quyết định trên cơ sở thống nhất với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.

3. Thời hạn biệt phái không quá 03 năm.

4. Nhà giáo được biệt phái phải chịu sự phân công công tác và quản lý của cơ quan, đơn vị nơi đến.

5. Trong thời gian biệt phái, cơ quan, đơn vị nơi đến có trách nhiệm bảo đảm tiền lương và các quyền lợi khác của nhà giáo. Nhà nước cấp thêm một khoản ngân sách để cơ sở giáo dục công lập có nhà giáo đi biệt phái tổ chức hoàn thành công việc do nhà giáo đó để lại.

6. Nhà giáo được cử biệt phái đến miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

7. Hết thời hạn biệt phái, cơ sở giáo dục hoặc cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục quyết định việc tiếp nhận và bố trí việc làm cho nhà giáo.

8. Không thực hiện biệt phái nhà giáo đối với các trường hợp quy định chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng và pháp luật có liên quan.

9. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến biệt phái nhà giáo.

**Điều 35. Thuyên chuyển nhà giáo**

1. Nhà giáo có nhu cầu chuyển công tác từ cơ sở giáo dục thuộc địa bàn cấp huyện, cấp tỉnh đến một cơ sở giáo dục thuộc địa bàn cấp huyện, cấp tỉnh khác được các cấp có thẩm quyền tạo điều kiện trên cơ sở ý kiến đồng thuận giữa các cơ sở giáo dục nơi nhà giáo dời đi và nơi tiếp nhận.

2. Các trường hợp không được thuyên chuyển:

a) Người đang trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật; đang bị kiểm tra, xác minh, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử;

b) Công tác chưa đủ 05 năm tính từ thời điểm được tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nhà giáo trừ trường hợp tự nguyện, tình nguyện thuyên chuyển công tác về cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu.

3. Nhà giáo được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý trực tiếp đồng ý cho thuyên chuyển thì cơ sở giáo dục nơi nhà giáo chuyển đi chấm dứt hợp đồng với nhà giáo, cơ sở giáo dục nơi nhà giáo chuyển đến thực hiện việc tiếp nhận nhà giáo, ký hợp đồng nhà giáo theo nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục.

**Điều 36. Nhà giáo dạy liên trường**

1. Dạy liên trường là việc nhà giáo được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo trực tiếp phân công tham gia hoạt động giảng dạy, giáo dục đồng thời ở từ hai cơ sở giáo dục trở lên.

2. Nguyên tắc bố trí nhà giáo dạy liên trường:

a) Các cơ sở giáo dục mà nhà giáo được phân công giảng dạy tạo điều kiện về thời gian để nhà giáo hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy liên trường, không bố trí công tác kiêm nhiệm. Ngoài việc tham gia giảng dạy, nhà giáo vẫn phải thực hiện các hoạt động chuyên môn khác theo quy định tại cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng;

b) Việc bố trí nhà giáo dạy liên trường phải xem xét điều kiện địa lý và hoàn cảnh của nhà giáo, điều kiện thực tế cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng và cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đến dạy;

c) Số tiết dạy hoặc giờ dạy của nhà giáo là tổng số tiết dạy hoặc giờ dạy ở các cơ sở giáo dục mà nhà giáo được phân công giảng dạy;

d) Lương và các chế độ theo lương của nhà giáo do cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng chi trả. Tiền lương làm thêm giờ (trong trường hợp tổng số tiết dạy của nhà giáo vượt định mức quy định) và chi phí đi lại giữa các cơ sở giáo dục do các cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đến dạy chi trả;

đ) Việc đánh giá nhà giáo dạy liên trường do hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng thực hiện có nhận xét, đánh giá của cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đến dạy.

4. Người đứng đầu cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp của cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng có thẩm quyền ra quyết định phân công nhà giáo dạy liên trường trên cơ sở có văn bản thỏa thuận giữa các cơ sở giáo dục và văn bản đồng ý của nhà giáo.

**Mục 4**

**ĐÁNH GIÁ NHÀ GIÁO**

**Điều 37. Mục đích của đánh giá nhà giáo**

Mục đích của đánh giá nhà giáo để làm căn cứ gia hạn giấy phép hành nghề dạy học, ký hợp đồng, tiếp tục bố trí, sử dụng, bổ nhiệm chức danh, thay đổi chức danh, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, công nhận, công nhận lại, không công nhận, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ giảng dạy, xét nâng lương và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với nhà giáo.

**Điều 38. Nguyên tắc và căn cứ đánh giá nhà giáo**

1. Nguyên tắc đánh giá nhà giáo:

a) Bảo đảm tính khách quan, toàn diện, dân chủ, công bằng, công khai; kịp thời khuyến khích, động viên nhà giáo thăng tiến, phát triển trong hoạt động nghề nghiệp;

b) Được thực hiện trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhà giáo, quá trình nhà giáo rèn luyện phẩm chất, nâng cao năng lực nghề nghiệp gắn với các tiêu chí nghề nghiệp theo chuẩn nhà giáo;

c) Việc đánh giá nhà giáo là cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ sở giáo dục, quá trình cán bộ quản lý cơ sở giáo dục rèn luyện phẩm chất, nâng cao năng lực gắn với các tiêu chí theo chuẩn nhà giáo hoặc chuẩn hiệu trưởng;

d) Việc đánh giá nhà giáo được thực hiện định kỳ hằng năm theo năm học hoặc theo từng thời điểm phục vụ công tác quản lý nhà giáo;

đ) Nghiêm cấm sử dụng việc đánh giá nhà giáo để thực hiện các hành vi trù dập, xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhà giáo.

2. Căn cứ đánh giá nhà giáo:

a) Mục đích đánh giá;

b) Chuẩn nhà giáo tương ứng với chức danh nhà giáo hoặc chuẩn hiệu trưởng (đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục);

c) Các cam kết trong hợp đồng nhà giáo đã ký kết với cơ sở giáo dục;

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ sở giáo dục (đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục).

**Điều 39. Nội dung đánh giá nhà giáo**

1. Nội dung đánh giá nhà giáo không phải là cán bộ quản lý cơ sở giáo dục:

a) Tiêu chuẩn quy định tại chuẩn nhà giáo;

b) Kết quả thực hiện quy định về đạo đức nhà giáo;

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục và các nhiệm vụ chuyên môn khác được giao;

d) Điểm mạnh, điểm còn hạn chế và định hướng phát triển hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo.

2. Nội dung đánh giá nhà giáo là hiệu trưởng:

Ngoài các nội dung đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này, nội dung đánh giá nhà giáo là hiệu trưởng thêm các nội dung sau:

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, quản trị cơ sở giáo dục;

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ sở giáo dục.

3. Việc đánh giá nhà giáo được thực hiện định kỳ hằng năm theo năm học hoặc thực hiện tại thời điểm bất kỳ để phục vụ công tác quản lý nhà giáo theo quy định.

**Điều 40. Phân loại đánh giá nhà giáo hằng năm**

Kết quả đánh giá, nhà giáo được phân loại như sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Hoàn thành nhiệm vụ.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 41. Trách nhiệm đánh giá, phân loại nhà giáo**

1. Người có thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận chịu trách nhiệm đánh giá, phân loại hiệu trưởng.

2. Hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức đánh giá, phân loại nhà giáo.

3. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến đánh giá, phân loại nhà giáo.

**Điều 42. Thông báo kết quả đánh giá, phân loại nhà giáo**

1. Nội dung đánh giá nhà giáo phải được thông báo cho nhà giáo.

2. Kết quả phân loại nhà giáo được công khai trong cơ sở giáo dục.

3. Trường hợp nhà giáo không nhất trí với kết quả đánh giá và phân loại thì được quyền khiếu nại lên cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại.

**Chương V**

**CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO**

**Điều 43. Tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo**

1. Nhà giáo ở cơ sở giáo dục công lập được hưởng lương và phụ cấp như sau:

a) Lương theo bảng lương nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp;

b) Phụ cấp thâm niên;

c) Phụ cấp ưu đãi nghề cao nhất trong các ngành, lĩnh vực được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề;

d) Phụ cấp khác theo quy định của pháp luật.

2. Tiền lương và các chính sách theo lương của nhà giáo ở cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên, cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư không ít hơn tiền lương và các chính sách theo lương của nhà giáo quy định tại khoản 1 Điều này có cùng trình độ đào tạo, cùng thâm niên, cùng chức danh trong các cơ sở giáo dục công lập đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

3. Nhà giáo công tác ở các ngành, lĩnh vực có chế độ đặc thù thì được hưởng chế độ đặc thù theo quy định và chỉ được hưởng ở một mức cao nhất nếu chính sách đó trùng với chính sách dành cho nhà giáo.

4. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo.

**Điều 44. Chính sách hỗ trợ nhà giáo**

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ nhà giáo trẻ; nhà giáo công tác ở vùng khó khăn; nhà giáo dạy trường chuyên biệt, nhà giáo dạy trẻ khuyết tật, nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số, nhà giáo dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số, dạy các môn năng khiếu, nghệ thuật.

2. Chính sách hỗ trợ nhà giáo gồm: nhà ở, chế độ phụ cấp, chế độ trợ cấp, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, chăm sóc sức khỏe định kỳ, chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp và các chế độ khác bảo đảm an sinh xã hội cho nhà giáo.

3. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến chính sách hỗ trợ nhà giáo.

4. Khuyến khích địa phương, cơ sở giáo dục có các chính sách đặc thù hỗ trợ nhà giáo.

**Điều 45. Chính sách thu hút nhà giáo**

1. Nhà nước có chính sách thu hút đối với người có tài năng để trở thành nhà giáo.

2. Nhà nước có chính sách thu hút nhà giáo về công tác và công tác lâu dài ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của Chính phủ.

3. Chính sách thu hút nhà giáo gồm: chính sách ưu tiên tuyển dụng, vay mua nhà ở, chế độ phụ cấp và trợ cấp thu hút, chính sách đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ khác cho nhà giáo.

4. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến chính sách thu hút nhà giáo.

5. Khuyến khích địa phương, cơ sở giáo dục có các chính sách đặc thù để thu hút nhà giáo.

**Điều 46. Quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo**

1. Quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo là quỹ không vì lợi nhuận; dùng để hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo; hỗ trợ nhà giáo có hoàn cảnh khó khăn; khen thưởng, tôn vinh nhà giáo.

2. Quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo gồm hai loại:

a) Do tổ chức, cá nhân thành lập, hoạt động và quản lý theo quy định về quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

b) Do cơ sở giáo dục thành lập từ nguồn kinh phí tài trợ, viện trợ, hiến tặng hoặc kinh phí tự chủ của cơ sở giáo dục và nguồn kinh phí hợp pháp khác; hoạt động theo quy chế tổ chức, hoạt động và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ sở giáo dục phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Kinh phí do các tổ chức, cá nhân tài trợ, hiến tặng để lập quỹ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này được tính là chi phí hợp lý và không phải chịu các loại thuế.

**Điều 47. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nhà giáo**

1. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nhà giáo là tổ chức tập hợp những người đã và đang làm nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nhằm góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo theo chủ trương, định hướng, yêu cầu đổi mới giáo dục.

2. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nhà giáo có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Tham gia xây dựng pháp luật, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nhà giáo và pháp luật có liên quan;

b) Tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ nhà giáo với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà giáo; động viên đội ngũ nhà giáo thường xuyên rèn luyện phẩm chất, nâng cao năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới;

c) Tham gia các hội đồng chuyên môn, các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, phản biện xã hội theo đề nghị của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục;

d) Tham gia các tổ chức quốc tế về nhà giáo;

đ) Tham gia huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng các quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo;

e) Tham gia bồi dưỡng nhà giáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo về nhà giáo; kiến nghị với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý vi phạm về nhà giáo;

g) Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo Điều lệ do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nhà giáo được thành lập, quản lý và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội.

**Điều 48. Chế độ thôi việc đối với nhà giáo**

1. Khi chấm dứt hợp đồng, nhà giáo được hưởng trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm hoặc chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Nhà giáo không được hưởng trợ cấp thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc hoặc sa thải;

b) Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái quy định;

c) Nhà giáo là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam bị trục xuất theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 49. Chế độ nghỉ hưu đối với nhà giáo**

1. Tuổi nghỉ hưu của nhà giáo thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động; giáo viên mầm non, giáo viên trường lớp dành cho người khuyết tật được nghỉ hưu trước 05 (năm) năm theo quy định về tuổi nghỉ hưu.

2. Trước 06 (sáu) tháng, tính đến ngày nhà giáo nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý nhà giáo phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 03 (ba) tháng, tính đến ngày nhà giáo nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý nhà giáo ra quyết định nghỉ hưu.

3. Cơ sở giáo dục có thể ký hợp đồng dạy học với người hưởng chế độ hưu trí nếu đơn vị có nhu cầu và người hưởng chế độ hưu trí có nguyện vọng.

**Điều 50. Chế độ kéo dài thời gian làm việc đối với nhà giáo**

1. Nhà giáo có chức danh giáo sư, phó giáo sư và có trình độ tiến sĩ đang công tác tại cơ sở giáo dục được kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học nếu cơ sở giáo dục có nhu cầu và chấp thuận, nhà giáo có đủ sức khỏe và tự nguyện.

2. Thời gian kéo dài theo quy định của khoản 1 Điều này đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện như sau:

a) Không quá 5 năm đối với nhà giáo có trình độ tiến sĩ;

b) Không quá 7 năm đối với nhà giáo có chức danh phó giáo sư;

c) Không quá 10 năm đối với nhà giáo có chức danh giáo sư.

3. Thời gian kéo dài theo quy định của khoản 1 Điều này đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thực hiện theo thỏa thuận của nhà giáo với cơ sở giáo dục.

4. Trong thời gian kéo dài làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều này, nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập chỉ làm nhiệm vụ chuyên môn, không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và không được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo; nhà giáo trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục có thể giữ các chức vụ quản lý nếu đáp ứng được yêu cầu của cơ sở giáo dục.

5. Quyết định kéo dài thời gian công tác của nhà giáo được gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 03 tháng.

6. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến thủ tục, trình tự xem xét kéo dài thời gian làm việc; chính sách đối với nhà giáo trong thời gian làm việc kéo dài.

**Chương VI**

**ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ NHÀ GIÁO**

**Mục 1**

**ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NHÀ GIÁO**

**Điều 51. Đào tạo nhà giáo**

1. Đào tạo nhà giáo là quá trình giúp người học có nguyện vọng trở thành nhà giáo đạt kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của chuẩn nhà giáo.

2. Đào tạo nhà giáo gồm đào tạo giáo viên và đào tạo giảng viên.

3. Việc đào tạo người có nguyện vọng trở thành giáo viên được thực hiện như sau:

a) Trường sư phạm, cơ sở giáo dục có khoa sư phạm, cơ sở giáo dục được phép đào tạo nhà giáo có nhiệm vụ đào tạo người có nguyện vọng trở thành nhà giáo giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp;

b) Trường sư phạm do Nhà nước thành lập để đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được ưu tiên trong việc tuyển dụng nhà giáo, bố trí cán bộ quản lý giáo dục, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, ký túc xá và bảo đảm kinh phí đào tạo. Trường sư phạm có trường thực hành hoặc cơ sở thực hành;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn quy định việc đào tạo người có nguyện vọng trở thành nhà giáo.

4. Việc đào tạo người có nguyện vọng trở thành giảng viên thực hiện như sau:

a) Cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo người có nguyện vọng trở thành giảng viên giảng dạy môn chuyên ngành của cơ sở mình thông qua việc tuyển dụng ứng viên có năng lực và phẩm chất phù hợp với nghề dạy học đã có bằng cử nhân trở lên hoặc văn bằng trình độ tương đương ở chuyên ngành đó;

b) Cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng có trách nhiệm hỗ trợ kinh phí cho người được tuyển dụng học bồi dưỡng để đáp ứng chuẩn nhà giáo. Mức hỗ trợ được quy định trong quy chế nội bộ của cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học.

5. Chương trình đào tạo, tổ chức và quản lý đào tạo, việc cấp văn bằng thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các chương trình đào tạo nhà giáo phải được kiểm định và công nhận về chất lượng.

6. Người học các chương trình đào tạo sư phạm có nhiệm vụ, quyền và hưởng chính sách theo quy định của Luật Giáo dục. Người được tuyển dụng để đào tạo thành nhà giáo trong các trường cao đẳng và cơ sở giáo dục đại học có nhiệm vụ, quyền và hưởng chính sách theo hợp đồng ký kết giữa cơ sở giáo dục và người được tuyển dụng.

**Điều 52. Bồi dưỡng nhà giáo**

1. Bồi dưỡng nhà giáo là quá trình tiếp tục nâng cao, cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ năng sư phạm, rèn luyện phẩm chất và năng lực giúp nhà giáo phát triển và thăng tiến trong hoạt động nghề nghiệp sau khi đã trở thành nhà giáo. Bồi dưỡng nhà giáo nhằm mục đích cụ thể sau:

a) Bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm;

b) Phát triển nghề nghiệp liên tục;

c) Học tập suốt đời.

2. Các nội dung bồi dưỡng nhà giáo gồm:

a) Bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, phẩm chất và năng lực nhà giáo;

b) Bồi dưỡng thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng đáp ứng chuẩn nhà giáo;

c) Bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục;

d) Bồi dưỡng phục vụ những yêu cầu mới của thị trường lao động và bối cảnh kinh tế - xã hội;

đ) Bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời;

e) Bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, quản trị cơ sở giáo dục.

3. Các hình thức bồi dưỡng nhà giáo gồm:

a) Bồi dưỡng tập trung bao gồm học trực tiếp, trực tuyến, hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến do các cơ quan quản lý về giáo dục, chính quyền địa phương, cơ sở giáo dục, hiệp hội tổ chức;

b) Học tập, trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp, cơ sở giáo dục khác, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp;

c) Tham dự các hoạt động khoa học, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tham quan học tập về giáo dục;

d) Bồi dưỡng thông qua việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại nước ngoài;

đ) Tự học, tự nghiên cứu, tự học có hướng dẫn, cập nhật kiến thức thông qua các chương trình bồi dưỡng theo quy định.

4. Bồi dưỡng nhà giáo bao gồm bồi dưỡng bắt buộc, bồi dưỡng tự chọn. Bồi dưỡng bắt buộc và bồi dưỡng tự chọn bao gồm các khóa học bồi dưỡng do cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, chính quyền địa phương, hiệp hội, cơ sở giáo dục tổ chức.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao quy định chi tiết về việc bồi dưỡng nhà giáo.

**Điều 53. Nhiệm vụ và quyền của nhà giáo khi tham gia học bồi dưỡng**

1. Tham gia đầy đủ và hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo quy định.

2. Chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở bồi dưỡng.

3. Có ý thức tự học, học tập suốt đời, phát triển nghề nghiệp liên tục.

4. Tham gia đóng góp ý kiến về nội dung và công tác tổ chức các chương trình bồi dưỡng.

5. Vận dụng kết quả bồi dưỡng vào hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, đổi mới sáng tạo.

6. Được cơ sở giáo dục tạo điều kiện về thời gian để tham gia bồi dưỡng. Thời gian tham gia bồi dưỡng do cơ quan có thẩm quyền cử đi được tính vào thời gian công tác liên tục và tính chế độ làm việc tương ứng.

7. Được cơ sở giáo dục chi trả kinh phí bồi dưỡng khi cơ quan có thẩm quyền cử tham gia bồi dưỡng theo chương trình bồi dưỡng bắt buộc và tự chọn.

8. Được sử dụng kết quả bồi dưỡng là một tiêu chí để xem xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và phục vụ công tác quản lý, sử dụng nhà giáo.

9. Được sử dụng các chứng nhận, chứng chỉ đã tích lũy để xem xét về giá trị chuyển đổi khi nhà giáo tham gia các chương trình bồi dưỡng khác.

**Điều 54. Trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo**

1. Chính phủ ban hành chính sách ưu đãi nhằm thu hút người giỏi tham gia đào tạo để trở thành nhà giáo; ban hành chính sách đào tạo, bao gồm đào tạo trong nước và đào tạo ở nước ngoài nhằm phát triển đội ngũ nhà giáo trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kế hoạch tuyển sinh vào ngành sư phạm.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ xây dựng đề án, kế hoạch tổng thể bồi dưỡng nhà giáo trung hạn và dài hạn.

4. Cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, nhà đầu tư hoặc hội đồng trường cơ sở giáo dục dân lập, tư thục ban hành kế hoạch bồi dưỡng nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ban hành chương trình đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng giáo trình, tài liệu, học liệu và bảo đảm các điều kiện cần thiết để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền.

6. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo của các cấp có thẩm quyền.

**Mục 2**

**HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ NHÀ GIÁO**

**Điều 55. Mục tiêu, yêu cầu, nội dung hợp tác quốc tế về nhà giáo**

1. Hợp tác quốc tế về nhà giáo nhằm góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; khẳng định vị thế của nhà giáo Việt Nam trong hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học so với nhà giáo ở các nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

2. Hợp tác quốc tế về nhà giáo phải bảo đảm các quy định của pháp luật Việt Nam trong hợp tác quốc tế về giáo dục; phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các hiệp định, thỏa thuận quốc tế khác có liên quan.

3. Các nội dung hợp tác quốc tế về nhà giáo bao gồm:

a) Nhà giáo ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật;

b) Nhà giáo tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế;

c) Nhà giáo nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật.

**Điều 56. Nhà giáo ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật và tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế**

1. Nhà nước có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho nhà giáo Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật theo hình thức được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo cử đi hoặc được tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ hoặc theo hợp đồng.

2. Nhà giáo ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc theo hợp đồng ký kết với cơ sở giáo dục, tổ chức giáo dục nước ngoài thực hiện theo quy định của Luật Nhà giáo Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Nhà giáo được khuyến khích tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế nhằm mục đích bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và nâng cao vị thế nhà giáo, thúc đẩy hội nhập khu vực và quốc tế.

4. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến việc nhà giáo Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật theo hình thức được cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo cử đi hoặc được tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ và tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế.

**Điều 57.** **Người nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật**

1. Người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài là chuyên gia hoặc là người có trình độ cao được Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

2. Người nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật theo thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh ký kết theo quy định của pháp luật hoặc theo hợp đồng ký kết với cơ sở giáo dục, tổ chức giáo dục tại Việt Nam.

3. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến việc người nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

**Chương VII**

**QUẢN LÝ NHÀ GIÁO**

**Điều 58. Quản lý nhà nước về nhà giáo**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về nhà giáo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước về nhà giáo và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về nhà giáo;

b) Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập chiến lược, đề án, quy hoạch, kế hoạch xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu, thống kê về nhà giáo;

d) Thanh tra, kiểm tra về nhà giáo;

đ) Hàng năm, báo cáo Chính phủ về đội ngũ nhà giáo.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về nhà giáo.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện quản lý nhà nước về nhà giáo.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, tham mưu giúp Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, Uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nhà giáo theo quy định của Luật này.

**Điều 59. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong quản lý nhà giáo**

1. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong quản lý nhà giáo gồm:

a) Xây dựng đề án phát triển nhà giáo, đề án vị trí việc làm;

b) Tuyển dụng, ký hợp đồng nhà giáo, chấm dứt hợp đồng nhà giáo, giải quyết chế độ thôi việc;

c) Bổ nhiệm, thay đổi chức danh nhà giáo;

d) Đánh giá nhà giáo;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; sắp xếp, bố trí và sử dụng nhà giáo;

e) Thực hiện việc đình chỉ, tạm đình chỉ giảng dạy đối với nhà giáo; đánh giá, khen thưởng, kỷ luật nhà giáo;

g) Thực hiện chế độ tiền lương, các chính sách đãi ngộ, hỗ trợ, thu hút nhà giáo; chế độ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo;

h) Lập, quản lý dữ liệu về nhà giáo; thực hiện chế độ báo cáo về quản lý nhà giáo thuộc phạm vi quản lý;

i) Tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm đối với nhà giáo; tổ chức hoạt động tư vấn tâm lý, tư vấn pháp luật đối với nhà giáo;

k) Thanh tra, kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo đối với nhà giáo.

2. Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên tự chủ thực hiện các nội dung quản lý quy định tại khoản 1 Điều này. Hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý trực tiếp về tình hình tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhà giáo tại cơ sở và trách nhiệm giải trình theo quy định.

3. Đối với cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục công lập thực hiện quản lý nhà giáo hoặc phân cấp thực hiện các nội dung quản lý quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 60. Thanh tra, kiểm tra về nhà giáo**

1. Thanh tra, kiểm tra về nhà giáo bao gồm:

a) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cá nhân trong việc quản lý nhà giáo;

b) Kiểm tra hoạt động chuyên môn của nhà giáo theo chế độ làm việc và nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng thanh tra về nhà giáo trong phạm vi cả nước; hướng dẫn, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra về nhà giáo theo thẩm quyền.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Uỷ ban nhân dân các cấp chỉ đạo và tổ chức thanh tra, kiểm tra trong phạm vi trách nhiệm quản lý về nhà giáo.

4. Cơ sở giáo dục tổ chức thanh tra nội bộ theo quy định và tổ chức kiểm tra hoạt động chuyên môn của nhà giáo.

**Chương VIII**

**TÔN VINH, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 61. Ngày Nhà giáo Việt Nam**

Ngày 20 tháng 11 hằng năm là ngày Nhà giáo Việt Nam.

**Điều 62. Phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú**

Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ nghiên cứu giáo dục đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật thì được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú.

**Điều 63. Phong tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự, Giáo sư danh dự**

1. Nhà hoạt động chính trị, xã hội có uy tín quốc tế, nhà giáo, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và khoa học của Việt Nam được cơ sở giáo dục đại học phong tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự.

2. Nhà hoạt động chính trị, xã hội có uy tín quốc tế, nhà giáo, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và khoa học của Việt Nam, có bằng tiến sĩ, được cơ sở giáo dục đại học phong tặng danh hiệu Giáo sư danh dự.

3. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến việc phong tặng danh hiệu Tiến sĩ danh dự, Giáo sư danh dự.

**Điều 64. Khen thưởng đối với nhà giáo**

1. Thủ trưởng cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng, hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện việc khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng nhà giáo theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng trong các trường hợp sau:

a) Nhà giáo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn khác;

b) Nhà giáo có công lao phát hiện và bồi dưỡng học sinh, sinh viên giỏi;

c) Nhà giáo có công lao giảng dạy, giáo dục, phục vụ sự phát triển miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Ngoài các hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, nhà giáo có thành tích được xét nâng bậc lương, được ghi danh trong sổ vàng danh dự của ngành Giáo dục.

3. Khuyến khích các địa phương, đơn vị có các hình thức tôn vinh, khen thưởng nhà giáo phù hợp.

**Điều 65. Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo**

1.Thủ trưởng cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng, hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện việc khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng. Cụ thể như sau:

a) Đóng góp đất đai, tài sản, tiền và vật chất khác phục vụ việc xây dựng cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và điều kiện sống, làm việc của nhà giáo;

b) Cấp học bổng đào tạo nhà giáo; đóng góp quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo;

c) Tham gia phát triển đội ngũ nhà giáo;

d) Các trường hợp cụ thể khác.

2. Ngoài các hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng, cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo được ghi danh trong sổ vàng của ngành Giáo dục.

3. Khuyến khích các địa phương, đơn vị có các hình thức khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân phù hợp.

**Điều 66. Xử lý kỷ luật đối với nhà giáo**

1. Nhà giáo vi phạm các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải bị xử lý kỷ luật như sau:

a) Việc xử lý kỷ luật nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập áp dụng theo quy định của pháp luật về viên chức;

b) Việc xử lý kỷ luật nhà giáo trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục áp dụng theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục có trách nhiệm quy định cụ thể và tổ chức việc xử lý kỷ luật đối với nhà giáo vi phạm thuộc phạm vi quản lý.

3. Quyết định kỷ luật được lưu vào hồ sơ nhà giáo.

**Điều 67. Tạm đình chỉ giảng dạy**

1. Trong thời hạn xem xét xử lý kỷ luật, hiệu trưởng hoặc người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định tạm đình chỉ giảng dạy đối với nhà giáo nếu thấy việc nhà giáo tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý kỷ luật hoặc ảnh hưởng đến uy tín nhà giáo.

2. Thời gian tạm đình chỉ giảng dạy không quá 15 ngày, trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng không quá 30 ngày. Hết thời gian tạm đình chỉ giảng dạy, nếu nhà giáo không bị xử lý kỷ luật thì được tiếp tục làm việc tại vị trí việc làm trước khi bị tạm đình chỉ.

3. Trong thời gian bị tạm đình chỉ giảng dạy, nhà giáo được hưởng nguyên lương và các phụ cấp khác nếu có theo quy định.

**Điều 68. Xử lý vi phạm đối với các hành vi xâm phạm uy tín, danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của nhà giáo**

1. Người nào có hành vi xâm phạm uy tín, danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của nhà giáo thì tùy theo đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Nếu các hành vi xâm phạm uy tín, danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của nhà giáo diễn ra trong phạm vi cơ sở giáo dục thì được xem là tình tiết tăng nặng trong xử lý vi phạm.

**Chương IX**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 69. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của một số luật liên quan**

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, mục của Chương IV Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 66 như sau:

**“Điều 66. Vị trí, vai trò của nhà giáo**

1. Nhà giáo là nguồn nhân lực chất lượng cao, là bộ phận quan trọng trong đội ngũ trí thức của đất nước, là lực lượng nòng cốt của ngành Giáo dục, được xã hội bảo vệ, kính trọng, tôn vinh.

2. Nhà giáo có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục và chất lượng nguồn nhân lực; là nhân tố chủ đạo trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng trong việc xây dựng xã hội học tập; góp phần quan trọng trong việc bảo vệ xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.”

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 71 như sau:

**“Điều 71. Thỉnh giảng, báo cáo viên**

1. Thỉnh giảng là việc cơ sở giáo dục mời người có giấy phép hành nghề dạy học đến giảng dạy ít nhất một môn học hoặc một học phần trong chương trình giáo dục phù hợp với giấy phép hành nghề dạy học. Người tham gia thỉnh giảng gọi là nhà giáo thỉnh giảng.

2. Nhà giáo thỉnh giảng thực hiện các quyền và nghĩa vụ về chuyên môn và quyền, nghĩa vụ khác quy định tại Luật Nhà giáo và theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết với cơ sở giáo dục. Nhà giáo thỉnh giảng là cán bộ, công chức, viên chức phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ nơi mình công tác.

3. Khuyến khích việc mời nhà giáo, nhà khoa học trong nước, nhà khoa học là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đến giảng dạy tại cơ sở giáo dục theo chế độ thỉnh giảng.

4. Cơ sở giáo dục được mời báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân ở trong nước và nước ngoài đến báo cáo các chuyên đề liên quan đến chương trình giáo dục.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao quy định cụ thể về thỉnh giảng và báo cáo viên”.

c) Bổ sung Điều 71a vào sau Điều 71 như sau:

“**Điều 71a. Quyền, nghĩa vụ, chức danh, chuẩn nhà giáo; tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng; đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo**

Quyền, nghĩa vụ, chức danh, chuẩn nhà giáo; tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng; đãi ngộ, tôn vinh nhà giáo và các quy định liên quan khác đối với nhà giáo được thực hiện theo quy định của Luật Nhà giáo.”

d) Bãi bỏ Điều 67, Điều 69, Điều 70, Điều 73, Điều 74, Mục 4 Chương IV;

đ) Bãi bỏ cụm từ “Mục 1. VỊ TRÍ, VAI TRÒ, TIÊU CHUẨN CỦA NHÀ GIÁO”; cụm từ “Mục 2. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA NHÀ GIÁO” và cụm từ “Mục 3. ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG NHÀ GIÁO”.

2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 như sau: Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 54, Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục Đại học đã được sửa đổi, bổ sung tại [Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-Giao-duc-dai-hoc-sua-doi-388254.aspx) Luật Giáo dục Đại học.

3. Bãi bỏ Điều 53, Điều 55, Điều 56 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

4. Bổ sung khoản 2a, Điều 11 Luật Tổ chức Chính phủ như sau:

*“2a. Thực hiện chính sách, pháp luật nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện sự nghiệp giáo dục”.*

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương như sau:

*“a) Quyết định biện pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục; bảo đảm số lượng nhà giáo, kinh phí chi ngân sách cho giáo dục theo tỷ lệ quy định và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục; quyết định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục, đào tạo công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật”.”*

**Điều 70. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trừ các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.
2. Điều kiện cấp giấy phép hành nghề quy định tại điểm b khoản 3 Điều 18 của Luật này thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.
3. Điều kiện tuyển dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 của Luật này thực hiện từ ngày 01 tháng 06 năm 2028.

**Điều 71. Quy định chuyển tiếp**

1. Trường hợp đã được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt đề án, kế hoạch tổ chức tuyển dụng nhà giáo (thi tuyển, xét tuyển, tiếp nhận vào viên chức), xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nhà giáo trước ngày Luật này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo đề án, kế hoạch đã được phê duyệt trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Sau thời hạn này nếu không hoàn thành thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

2. Nhà giáo theo quy định tại Điều 3 Luật này sau khi nghỉ hưu vẫn tiếp tục được giữ chức danh nhà giáo và hưởng chế độ, chính sách đối với người nghỉ hưu theo quy định. Nhà giáo theo quy định tại Điều 3 Luật này được điều động lên công tác tại cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo vẫn tiếp tục được giữ chức danh nhà giáo và hưởng chế độ, chính sách bảo lưu của nhà giáo theo quy định.

3. Việc thực hiện chế độ tập sự khi tuyển dụng nhà giáo tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành đến ngày 01 tháng 06 năm 2028. Trường hợp nhà giáo đang thực hiện chế độ tập sự trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện chế độ tập sự, sau khi hoàn thành chế độ tập sự thì được cấp giấy phép hành nghề dạy học nếu được đánh giá đạt yêu cầu chế độ tập sự và ký hợp đồng dạy học.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ … thông qua ngày .... tháng .... năm …*.